

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ GOLDENWAY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ GOLDENWAY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOLDENWAY INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GOLDENWAY CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109340170

3. Ngày thành lập: 16/09/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 3, ngách 27/2, đường Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
2.	Khai thác và thu gom than non	0520
3.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
5.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
6.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
7.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
8.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
9.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
10.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
11.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
12.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
13.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
14.	Sản xuất rượu vang	1102
15.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
16.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá Chi tiết: - Sản xuất thuốc lá	1200
17.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
18.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
19.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
20.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394

21.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
22.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
23.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
24.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
25.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
26.	Xây dựng nhà để ở	4101
27.	Xây dựng nhà không để ở	4102
28.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
29.	Xây dựng công trình điện	4221
30.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
31.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
32.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
33.	Xây dựng công trình thủy	4291
34.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
35.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
36.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
37.	Phá dỡ	4311
38.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
39.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
40.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
41.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
42.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

43.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uôn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lắp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
44.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) - Bán buôn xe có động cơ khác, loại mới và loại đã qua sử dụng: Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương; Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc; Ô tô chuyên dụng: Xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông...; Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cạp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa.	4511
45.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
46.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4513
47.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
48.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4530
49.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy; bán lẻ mô tô, xe máy; đại lý mô tô, xe máy. (Trừ đầu giá)	4541
50.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

51.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4543
52.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa; (Trừ đầu giá)	4610
53.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
54.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
55.	Bán buôn thực phẩm	4632
56.	Bán buôn đồ uống	4633
57.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
58.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
59.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế ; - - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
60.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
61.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
62.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
63.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.	4659
64.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

65.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn kim loại khác - Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác (Chỉ kinh doanh vàng trang sức)	4662
66.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
67.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại, đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.	4669
68.	Bán buôn tổng hợp	4690
69.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
70.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác; - Vận tải hàng nặng, vận tải container; - Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải. - Hoạt động chuyên đồ đặc; - Cho thuê ô tô (trừ ô tô chuyên dụng) có kèm người lái để vận chuyển hàng hóa; - Vận tải hàng hóa bằng mô tô, xe máy có gắn động cơ.	4933
71.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: - Vận tải hàng hóa ven biển	5012
72.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
73.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay.	5229
75.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, chứng khoán)	6619
76.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
77.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quản lý bất động sản (Trừ đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất)	6820
78.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn tài chính, chứng khoán và hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	7020
79.	Quảng cáo	7310
80.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
81.	Đại lý du lịch	7911
82.	Điều hành tua du lịch	7912
83.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
84.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
85.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động hợp báo)	8230
86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Đại diện thương nhân ; - Ủy thác mua bán hàng hóa ; - Nhượng quyền thương mại	8299
87.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp	8559
88.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
89.	Trồng lúa	0111
90.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
91.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113

92.	Trồng cây mía	0114
93.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
94.	Trồng cây lấy sợi	0116
95.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
96.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
97.	Trồng cây hàng năm khác	0119
98.	Trồng cây ăn quả	0121
99.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
100.	Trồng cây điều	0123
101.	Trồng cây hồ tiêu	0124
102.	Trồng cây cao su	0125
103.	Trồng cây cà phê	0126
104.	Trồng cây chè	0127
105.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
106.	Trồng cây lâu năm khác	0129
107.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
108.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
109.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
110.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
111.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
112.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
113.	Chăn nuôi gia cầm	0146
114.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
115.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
116.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
117.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
118.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
119.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
120.	Khai thác gỗ	0220
121.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
122.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
123.	Khai thác quặng sắt	0710
124.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
125.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
126.	Khai thác và thu gom than bùn	0892

127.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
128.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
129.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
130.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
131.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
132.	In ấn	1811
133.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
134.	Sản xuất điện	3511
135.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; - Giám sát thi công xây dựng cơ bản; - Hoạt động đo đạc bản đồ; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; - Khảo sát xây dựng ; - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội – ngoại thất công trình; Thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện – cơ điện công trình; Thiết kế cấp – thoát nước; Thiết kế thông gió – cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy ; - Quản lý dự án các công trình xây dựng; Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng - Lập dự án đầu tư công trình xây dựng; - Tư vấn trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng ; - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, mở thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu	7110
136.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410

137.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch; - Hoạt động môi giới thương mại ; - Tư vấn về nông học; (loại trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	7490
------	---	------

6. Vốn điều lệ: 63.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	PHÙNG ĐỨC THÀNH	Tổ 1 khu 4D, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	31.500.000.000	50,000	022077002925	
2	HOÀNG THỊ ĐỖ QUYÊN	Số 3, ngách 27/2, đường Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	31.500.000.000	50,000	013598648	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ THỊ HẢI ANH**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *21/01/1998*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *034198004775*

Ngày cấp: *26/05/2020*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *A44 TT5 Khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *A44 TT5 Khu đô thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội